TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 08 - 2023
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và bà Cái Diệu Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, về việc: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 08 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, thôn H , xã Lộc B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, thôn H, xã Lộc B, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 11 năm 2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Lê Mạnh C có yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 04 tháng 01 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 05 năm. Sau đó nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lê Mạnh C không quan tâm gia đình, không chịu khó làm ăn, nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ghen tuông vô cớ. Từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay, chị T và anh C sống ly thân, mỗi người mỗi cuộc sống riêng biệt, không quan tâm gì nhau; hai bên gia đình có khuyên can để vợ chồng đoàn tụ nhưng mâu thuẫn không thể

hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Mạnh C.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh C có hai con chung là Lê Võ Thị Linh Đ, sinh ngày 22/11/2013 và Lê Quốc K, sinh ngày 18/4/2017. Chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai người con chung; không yêu cầu anh Lê Mạnh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản trình bày ý kiến (gửi đến Tòa án ngày 22/5/2023), bị đơn là anh Lê Mạnh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Võ Thị T có tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn; anh C và chị T đã sống ly thân từ ngày 15/10/2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp. Anh Lê Mạnh C cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Võ Thị T được ly hôn.

Về con chung: Có hai người con chung như chị T đã trình bày, anh C cũng đồng ý giao hai con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh C sẽ có trách nhiệm chu cấp hàng tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Võ Thị T được ly hôn anh Lê Mạnh C; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai người con chung là Lê Võ Thị Linh Đ, sinh ngày 22/11/2013 và Lê Quốc K, sinh ngày 18/4/2017 cho chị Võ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không xem xét về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Mạnh C vắng mặt không có lý do nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến; Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Mạnh C.

[2]Về nội dung.

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Lê Mạnh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Thủy C, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Lê Mạnh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau. Từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay chị T và anh C sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Chị T yêu cầu ly hôn, anh C cũng đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Lê Mạnh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, hiện nay hai người con chung là Lê Võ Thị Linh Đ , sinh ngày 22/11/2013 và Lê Quốc K , sinh ngày 18/4/2017 Đ g sống với chị T . Chị Võ Thị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi thì anh Lê Mạnh C cũng đồng ý. Do đó, giao hai người con chung nêu trên cho chị Võ Thị T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với yêu cầu, ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị Võ Thị T không yêu cầu anh Lê Mạnh C cấp dưỡng nuôi con; anh Lê Mạnh C có trình bày về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng không xác định rõ mức cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T . Chị Võ Thị T được ly hôn anh Lê Mạnh C .

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao hai người con chung là Lê Võ Thị Linh Đ , sinh ngày 22/11/2013 và Lê Quốc K , sinh ngày 18/4/2017 cho chị Võ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Mạnh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004168 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND P. Thủy C, Tx Hương T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Xuân Cầm